

Bản án số: 42/2019/DS-ST  
Ngày: 24/7/2019  
V/v tranh chấp: Hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trịnh Văn Bé;**
2. Bà **Nguyễn Thị Ly.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Lắm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 23.01.2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà **Trần Thị N**: Ông **Lê Hoàng T**, sinh năm 1998 là đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 12.02.2019).

Bị đơn: Ông **Ngô Văn M**, sinh năm 1989

Bà **Trần Thị Thùy T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa đại diện ủy quyền bà **Trần Thị N** là anh **Lê Hoàng T** trình bày: Do chỗ quen biết với bà T, ông M. Bà N có làm chủ dây hui 2.000.000 đồng, hui gồm 20 hui viên, hui khui vào 02/8/2015 âm lịch, huê hồng 1.000.000 đồng. Bà T, ông M tham gia

một phần, hội khai đến lần thứ 6 (02/01/2016 âm lịch) bỏ hốt, hốt được số tiền 26.640.000 đồng, có làm biên nhận giao tiền giữa hai bên, từ đó đến nay ông M, bà T không châu hội chết, bà N đóng thay cho bà T ông M 14 lần hội chết tổng số tiền 28.000.000 đồng. Việc tham gia hội này cả hai vợ chồng ông M, bà T biết. Hội này hiện nay đã mãn. Nay bà N yêu cầu ông M, bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội 28.000.000 đồng.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông M, bà T không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 02/8/2015(al), ông Ngô Văn M và bà Trần Thị Thùy T có tham gia đây hội do bà Trần Thị N làm chủ, còn nợ 28.000.000 đồng. Nay, bà N yêu cầu ông M, bà T liên đới trả số tiền hội 28.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy, căn cứ bà N khởi kiện là biên nhận hội (không ghi ngày, tháng, năm) nội dung thể hiện ông M, bà T có nhận số tiền hội 26.640.000 đồng đồng và ông M, bà T được Tòa án được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thể hiện việc bà N yêu cầu t trả 28.000.000 đồng nhưng không có ý kiến phản hồi nên căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với lãi suất, do bà N rút lại yêu cầu khởi kiện. Xét đây là sự tự nguyện của bà N, nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xem xét:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.
- Buộc ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền 28.000.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị N đối với lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T cư trú ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà T

[2] Qua lời khai của bà Trần Thị N, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà với ông M, bà T có ký kết hợp đồng góp hui, giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đến kỳ hạn thanh toán tiền hui chết, nhưng ông M, bà T không thực hiện nghĩa vụ giao số tiền trên cho bà N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông M, bà T là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông bà phải có nghĩa vụ liên đới trong việc nợ chung của vợ chồng

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N buộc ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền hui 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa đại diện ủy quyền bà Trần Thị N là anh Lê Hoàng T rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp Điều 217, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Thùy T, ông Ngô Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Áp dụng:**

- Điều 471 Bộ luật dân sự.
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 219, 228, 238, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.
- Buộc bà Trần Thị Thùy T, ông Ngô Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hui 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị N đối với ông Ngô Văn M và bà Trần Thị Thùy T.

**Về án phí:** Ông Ngô Văn M, bà Trần Thị Thùy T phải chịu 1.400 000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 799.000 đồng theo biên lai thu số 0012508 ngày 22.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**